

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về Nghiên cứu khoa học đối với giảng viên
của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Căn cứ Quyết định 521/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học – Hợp tác Quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ký. Các văn bản trước đây có nội dung trái với Quy định tại Quyết định này không còn hiệu lực.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị trực thuộc; công chức, viên chức, người lao động thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Thông tin Website;
- Lưu VT, HCTH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




Trần Hoàng Hải

QUY ĐỊNH
Về Nghiên cứu khoa học đối với giảng viên
của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành theo Quyết định số 896 /QĐ-ĐHL ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng bắt buộc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (sau đây được viết tắt là NCKH): tất cả các giảng viên của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, kể cả giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc (sau đây được viết tắt là GV).

2. Đối tượng không bắt buộc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: viên chức, người lao động của Trường không phải là GV. Tuy nhiên, nếu các cá nhân này tham gia các hoạt động NCKH thì cũng áp dụng Quy định này, trừ các điều khoản liên quan đến định mức NCKH.

Điều 2. Các hoạt động NCKH

1. Các hoạt động NCKH được tính giờ NCKH theo Quy định này là các hoạt động NCKH do công chức, viên chức và người lao động của Trường thực hiện. Công trình NCKH phải được ghi rõ tên tác giả là công chức, viên chức và người lao động của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tham gia đề tài NCKH bao gồm các hoạt động đề xuất đề tài, viết thuyết minh tham gia tuyển chọn đề tài NCKH cấp trường, cấp bộ, cấp nhà nước và tương đương; chủ trì đề tài, chủ nhiệm đề tài, thành viên tham gia quá trình nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu. Xét theo cấp chủ quản và nguồn tài trợ cho nghiên cứu, các đề tài NCKH có thể được phân chia như sau:

- a) Đề tài cấp Nhà nước: Đề tài độc lập cấp Nhà nước, đề tài theo Nghị Định Thư;
- b) Đề tài cấp Bộ và tương đương:
 - Đề tài cấp Bộ: đề tài do Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây được viết tắt là Bộ GD&ĐT), Bộ Khoa học – Công nghệ (sau đây được viết tắt là Bộ KH-CN), các Bộ khác quản lý (trong văn bản này, gọi vắn tắt là cấp Bộ); các nhiệm vụ, dự án nghiên cứu – triển khai do Bộ chủ trì;
 - Đề tài nhánh thuộc chương trình KH-CN hoặc đề tài cấp Nhà nước;
 - Đề tài thuộc Chương trình KH-CN cấp Bộ;

- Đề tài hợp tác song phương do Bộ GD&ĐT quản lý: đề tài do Bộ GD&ĐT và các tổ chức nghiên cứu hoặc trường đại học nước ngoài đồng tài trợ;

- Đề tài hợp đồng với các địa phương (cấp tỉnh/thành) do ngân sách nhà nước tài trợ;

- Đề tài, dự án nghiên cứu được tài trợ bởi các tổ chức nghiên cứu hoặc trường đại học nước ngoài, công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp trong nước hoặc các đơn vị khác (không được ngân sách nhà nước tài trợ): đăng ký và được Bộ GD&ĐT chấp nhận tương đương đề tài cấp Bộ;

c) Đề tài cấp Trường do Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

3. Công bố kết quả nghiên cứu:

a) Bài được đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước;

b) Sách chuyên khảo, sách tham khảo, sách giáo trình, tập bài giảng, sách tình huống, sách hướng dẫn học tập được xuất bản;

c) Bài tham luận tại hội thảo khoa học có xuất bản kỷ yếu.

4. Tham gia các Hội đồng sau đây của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Hội đồng nghiệm thu các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ (và tương đương), cấp Trường;

b) Hội đồng tư vấn tuyển chọn đề tài NCKH, tuyển chọn cá nhân hoặc tổ chức thực hiện, chủ trì đề tài NCKH; tuyển chọn đề tài NCKH của GV/VC và sinh viên gửi dự thi các Giải thưởng NCKH;

c) Hội đồng chấm Luận án tiến sĩ;

d) Hội đồng nghiệm thu giáo trình, sách tình huống, xét chọn tài liệu hướng dẫn học tập (sau đây ghi chung là tài liệu học tập), tài liệu biên dịch;

5. Hướng dẫn sinh viên của Trường nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi học thuật trong nước và quốc tế.

6. Chủ trì các hội thảo, tọa đàm khoa học.

7. Hoạt động giới thiệu, dịch và tóm tắt sách cho Thư viện..

8. Các hoạt động khoa học khác:

a) Tư vấn pháp luật, tư vấn quản trị, quản lý và các lĩnh vực khác cho các tổ chức, cá nhân ngoài Trường.

b) Bài tham luận tại hội thảo khoa học cấp khoa trở lên nhưng không xuất bản kỷ yếu, bài giới thiệu hội thảo, bài tổng thuật hội thảo và bản kiến nghị sau hội thảo;

c) Thẩm định bài đăng tạp chí khoa học chuyên ngành, tạp chí nghiên cứu của sinh viên;

d) Tham gia xây dựng hoặc góp ý các dự án luật;

e) Tham gia xây dựng và thẩm định các chương trình đào tạo;

f) Tham gia xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy định của Trường;

- g) Xây dựng kế hoạch hội thảo khoa học quốc tế và hội thảo cấp Trường;
 - h) Biên dịch tài liệu theo quyết định của Hiệu trưởng;
 - i) Các hoạt động khác theo quyết định của Hiệu trưởng.
8. Các hoạt động khoa học được khuyến khích:
- a) Chủ trì hoặc tham gia đề tài NCKH cấp Bộ trở lên;
 - b) Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế được xếp hạng trên ISI, SCOPUS, hoặc ABDC và các tạp chí nước ngoài khác có uy tín bằng ngôn ngữ Anh, Pháp, Hoa, Đức, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Ả Rập;
 - c) Có bài tham luận được mời trình bày tại các hội thảo khoa học quốc tế và có xuất bản kỷ yếu;
 - d) Xuất bản sách chuyên khảo, tham khảo.

Chương II

ĐỊNH MỨC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG NĂM HỌC

Điều 3. Định mức NCKH

Giảng viên phải dành tối thiểu 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để NCKH. Định mức chung về số giờ NCKH của giảng viên như sau:

STT	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	ĐỊNH MỨC
1	Giảng viên (hạng III)	587 tiết
2	Giảng viên chính (hạng II)	687 tiết
3	Giảng viên cao cấp (hạng I)	787 tiết

Điều 4. Các trường hợp miễn, giảm định mức NCKH

Giảng viên thuộc các đối tượng sau đây được miễn, giảm số giờ định mức NCKH. Định mức cho mỗi đối tượng cụ thể như sau:

STT	ĐỐI TƯỢNG MIỄN GIẢM	MỨC GIẢM (%)
1	Giảng viên kiêm nhiệm công tác quản lý tại các phòng, trung tâm và tương đương trở lên	70
2	Giảng viên đang làm việc tại các phòng, trung tâm và tương đương	60
3	Nữ giảng viên cơ hữu trong thời gian mang thai và nuôi con nhỏ - Dưới 12 tháng tuổi	100

	- Từ trên 12 tháng đến 24 tháng tuổi	50
	- Từ trên 24 tháng đến 36 tháng tuổi	30
4	Giảng viên cơ hữu đi học Cao học, Nghiên cứu sinh	
	- Không tập trung	50
	- Tập trung	100
5	Giảng viên cơ hữu giảng dạy môn:	
	- Tin học, Ngoại ngữ	80
	- Giáo dục thể chất	100
	- Các môn còn lại thuộc Khoa khoa học cơ bản	30
6	Giảng viên mới là cử nhân:	
	- Năm thứ nhất	100
	- Năm thứ hai	80
	- Năm thứ ba	60
	- Năm thứ tư	40
7	Giảng viên tập sự	100
8	Giảng viên chuyển đổi sang giảng dạy môn học mới được miễn, giảm định mức NCKH theo quyết định có liên quan của Hiệu trưởng	
9	Các trường hợp miễn, giảm khác theo quyết định có liên quan của Hiệu trưởng	

Lưu ý:

- Trong trường hợp thời gian nghỉ thai sản của nữ giảng viên cơ hữu (sinh và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng) nằm ở hai năm học khác nhau thì sẽ được tính miễn giảm vào năm học mà thời gian nghỉ chiếm đa số;

- Trong trường hợp đề tài đã được duyệt, nhưng Chủ nhiệm đề tài không tiếp tục thực hiện, ngoài nghĩa vụ hoàn trả kinh phí đã cấp, chủ nhiệm đề tài sẽ không được cộng số tiết quy đổi tại Phụ lục này, nếu đã cộng, sẽ bị trừ vào năm sau.

Chương III

QUY ĐỊNH SỐ GIỜ NCKH CỦA TỪNG HOẠT ĐỘNG

Điều 5. Nguyên tắc tính giờ NCKH:

Một công trình được công bố dưới nhiều hình thức khác nhau mà nội dung kế thừa trên 50% thì chỉ được tính 01 lần với mức cao nhất.

Điều 6. Quy định giờ NCKH đối với các hoạt động NCKH, kinh phí NCKH và minh chứng kê khai NCKH

	Các hoạt động NCKH	Số giờ	Minh chứng
1	Thực hiện đề tài NCKH		
a	Hoàn thành đề tài cấp Nhà nước	6.000 giờ/đề tài	- Hợp đồng;
b	Hoàn thành đề tài cấp Bộ và tương đương	2000 giờ/đề tài	- Biên bản nghiệm thu: đề tài đạt từ trung bình trở lên;
c	Hoàn thành đề tài cấp Trường	800 giờ/đề tài	- Bản thanh lý hợp đồng;
d	Đề xuất tên của đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương (trong danh mục đề xuất của Trường, đề xuất này được đơn vị chủ quản đưa vào danh mục tuyển chọn và chủ trì đề tài)	30 giờ/đề xuất	- Bản đề xuất của cá nhân; - Danh mục đề tài của đơn vị chủ quản;
e	Thuyết minh đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương (được Trường gửi tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài)	300 giờ/đề tài	Thuyết minh tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài.
f	Đề tài NCKH của cán bộ, giảng viên, công nhân viên đạt giải thưởng ²	200 giờ/đề tài ³	Quyết định của BTC Giải thưởng.
2	Công bố kết quả nghiên cứu		
a	Bài đăng tạp chí ISI, hoặc đạt SCOPUS Q1, A, A* thuộc ABDC	2.000 giờ/bài	Bài đăng trên Tạp chí hoặc Thư chấp nhận của tạp chí.
b	Bài đăng tạp chí đạt SCOPUS Q2	1800 giờ/bài	
c	Bài đăng tạp chí đạt SCOPUS Q3,Q4; hoặc hạng B thuộc ABDC	1600 giờ/bài	
d	Bài đăng tạp chí hạng C thuộc ABDC hoặc đăng trên tạp chí quốc tế (có ISSN) chưa đạt tiêu chuẩn mục 2.a, 2.b, 2.c trên đây - Tạp chí do VN xuất bản - Tạp chí do nước ngoài xuất bản	1.000 giờ/ bài 1.200 giờ/bài	
e	Tạp chí trong nước thuộc danh mục tạp		Bài đăng trên Tạp

² Giải thưởng *Tài năng khoa học trẻ Việt Nam* của Bộ GD&ĐT dành cho giảng viên trẻ hoặc các Giải thưởng NCKH khác của các Bộ hoặc tỉnh/thành phố thuộc Trung ương.

³ Được tính 200 giờ NCKH vào năm đạt Giải thưởng.

	chỉ được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước chấp nhận: - Tạp chí 01 điểm - Các tạp chí khác	500 giờ/bài 350 giờ/bài	chỉ hoặc Thư chấp nhận của tạp chí
f	Bài đăng trên tạp chí khoa học khác trong nước (có ISSN).	200 giờ/bài	
g	Bài tham luận tại Hội thảo khoa học:		
	Kỷ yếu Hội thảo được xuất bản, hoặc bài tham luận được công bố toàn văn trên website của đơn vị tổ chức Hội thảo (có ISBN): - Hội thảo quốc tế (tổ chức tại nước ngoài) - Hội thảo quốc tế (tổ chức tại Việt Nam) - Hội thảo trong nước - Hội thảo cấp khoa	700 giờ/ bài 500 giờ/bài 400 giờ/bài 200 giờ/bài	Bìa & Mục lục Kỷ yếu Hội thảo hoặc địa chỉ website công bố bài tham luận.
	Không xuất bản kỷ yếu nhưng có công bố tóm tắt bài tham luận trên website của đơn vị tổ chức: - Hội thảo quốc tế (tổ chức tại nước ngoài) - Hội thảo quốc tế (tổ chức tại Việt Nam) - Hội thảo trong nước - Hội thảo cấp khoa	600 giờ/ bài 400 giờ/ bài 300 giờ/bài 100 giờ/bài	Địa chỉ website công bố bài tham luận.
	- Trường hợp khác (không xuất bản kỷ yếu và không công bố bài tham luận trên website của đơn vị tổ chức) - Hội thảo quốc tế (tổ chức tại nước ngoài) - Hội thảo quốc tế (tổ chức tại Việt Nam) - Hội thảo trong nước	400 giờ/ bài 300 giờ/bài 200 giờ/bài	Mục lục tài liệu Hội thảo và bài tham luận.

	- Hội thảo cấp khoa	100 giờ/bài	
	Có bài tham luận tại các Tọa đàm khoa học (tối thiểu 5 trang)		Mục lục tài liệu Tọa đàm và bài tham luận.
	- Cấp Khoa	40 giờ /bài	
	- Cấp Trường	60 giờ /bài	
h	Xuất bản ấn phẩm thuộc các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu của Trường:		
	Giáo trình		
	- Viết lần đầu	20 giờ/ trang	
	- Sửa chữa, bổ sung	6 giờ/ trang	
	Sách chuyên khảo		
	- Viết lần đầu	18 giờ/ trang	
	- Sửa chữa, bổ sung	5 giờ/ trang	
h	Nếu phát triển từ đề tài NCKH:		
	- Viết lần đầu	9 giờ/ trang	- Bìa sách, tài liệu...;
	- Sửa chữa, bổ sung	2 giờ/ trang	- Mục lục;
	Sách tham khảo		- Danh sách người tham gia kèm số chương tham gia;
	- Viết lần đầu	15 giờ/ trang	- Thông tin về giấy phép xuất bản;
	- Sửa chữa, bổ sung	4 giờ/ trang	
	Nếu phát triển từ đề tài NCKH:		
h	- Viết lần đầu	7 giờ/ trang	
	- Sửa chữa, bổ sung	2 giờ/ trang	
	Sách tình huống		
	- Viết lần đầu	18 giờ/ trang	
	- Sửa chữa, bổ sung	5 giờ/ trang	
	Nếu phát triển từ đề tài NCKH:		
	- Viết lần đầu	9 giờ/ trang	
h	- Sửa chữa, bổ sung	2 giờ/ trang	
	Tập bài giảng		
	- Viết lần đầu	13 giờ/ trang	
	- Sửa chữa, bổ sung	4 giờ/ trang	

	Nếu phát triển từ đề tài NCKH: - Viết lần đầu - Sửa chữa, bổ sung	6 giờ/ trang 2 giờ/ trang	
	Tài liệu hướng dẫn học tập - Viết lần đầu - Sửa chữa, bổ sung Nếu phát triển từ đề tài NCKH: - Viết lần đầu - Sửa chữa, bổ sung	10 giờ/ trang 3 giờ/ trang 5 giờ/ trang 1 giờ/ trang	
i	Viết đề cương môn học * Bậc đại học: - Viết lần đầu - Sửa chữa, bổ sung * Bậc sau đại học: - Viết lần đầu - Sửa chữa, bổ sung	50 giờ / tín chỉ 20 giờ / tín chỉ 75 giờ/ tín chỉ 30 giờ/ tín chỉ	Xác nhận kèm danh sách người viết đề cương của khoa hoặc của Ban điều hành Các chương trình đào tạo đặc biệt.
k	Viết hồ sơ môn học Chỉnh sửa hồ sơ môn học	100 giờ /tín chỉ 30 giờ /tín chỉ	Biên bản nghiệm thu hồ sơ môn học.
3	Tham gia các Hội đồng khoa học của Trường		
a	Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Nhà nước:		Quyết định thành lập và biên bản họp Hội đồng.
	- Chủ tịch Hội đồng, các phản biện (viết nhận xét phản biện và họp Hội đồng)	200 giờ/người	
	- Các thành viên khác (viết nhận xét và họp Hội đồng)	100 giờ/người	
b	Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Bộ và tương đương:		
	- Chủ tịch Hội đồng và các phản biện (viết nhận xét phản biện và họp Hội đồng)	150 giờ/người	
	- Các ủy viên khác (viết nhận xét và họp Hội đồng)	80 giờ/người	

c	Hội đồng nghiệm thu đề tài cấp Trường		
	- Chủ tịch Hội đồng và các phản biện (viết nhận xét phản biện và họp Hội đồng)	100 giờ/người	
	- Các ủy viên khác (viết nhận xét và họp Hội đồng)	50 giờ/người	
d	Hội đồng nghiệm thu tài liệu biên dịch	80 giờ/người	
e	Chăm Luận án tiến sĩ:		Danh sách những người tham gia do Phòng Đào tạo Sau đại học cung cấp.
	Phản biện độc lập		
	- Tiếng nước ngoài	300 giờ/người	
	- Tiếng Việt	150 giờ/người	
	- Chủ tịch Hội đồng và các phản biện (viết nhận xét phản biện và họp Hội đồng)		
	- Tiếng nước ngoài	300 giờ/người	
	- Tiếng Việt	150 giờ/người	
	- Các ủy viên khác (viết nhận xét và họp Hội đồng)		
	- Tiếng nước ngoài	150 giờ/người	
	- Tiếng Việt	70 giờ/người	
f	Tư vấn thuyết minh đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ	50 giờ/đề tài	Quyết định lập Hội đồng tư vấn thuyết minh và Bản nhận xét thuyết minh.
g	Hội đồng nghiệm thu Giáo trình		Quyết định thành lập và biên bản họp Hội đồng.
	Chủ tịch hội đồng và các phản biện (viết nhận xét phản biện và họp hội đồng)		
	- Tiếng nước ngoài	350 giờ/người	
	- Tiếng Việt	200 giờ/người	
	Các ủy viên khác (viết nhận xét và họp		

	hội đồng) - Tiếng nước ngoài - Tiếng Việt	18 giờ/người 100 giờ/người	
h	Hội đồng nghiệm thu Tài liệu học tập		Quyết định thành lập và biên bản họp Hội đồng.
	- Chủ tịch Hội đồng và các phản biện (viết nhận xét phản biện và họp Hội đồng)	120 giờ/người	
	- Các ủy viên khác (viết nhận xét và họp Hội đồng)	60 giờ/người	
4	Hướng dẫn sinh viên của Trường NCKH⁴		
a	Hướng dẫn đề tài đạt giải cấp Bộ ⁵ - Giải 1 và 2 - Giải 3 và Giải khuyến khích	200 giờ/đề tài 140 giờ/đề tài	Quyết định của Bộ.
b	Hướng dẫn đề tài đạt giải thưởng EUREKA - Giải đặc biệt - Giải 1 và 2 - Giải 3 và giải khuyến khích	150 giờ/đề tài 150 giờ/đề tài 120 giờ/đề tài	Quyết định của Ban Tổ chức Giải thưởng.
c	Hướng dẫn đề tài đạt giải thưởng cấp trường - Giải 1 và 2 - Giải 3 và giải khuyến khích	120 giờ/đề tài 100 giờ/đề tài	Quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học Luật TP.HCM.
d	Tham gia Hội đồng chấm nghiệm thu, giải thưởng cấp trường đề tài NCKH của sinh viên		Quyết định của Trường.
	- Chủ tịch Hội đồng và các phản biện (viết nhận xét phản biện và họp Hội đồng)	50 giờ/người	
	- Các ủy viên khác (viết nhận xét và họp Hội đồng)	20 giờ/người	

⁴Nếu 1 công trình NCKH của sinh viên đạt nhiều giải thưởng, GV hướng dẫn được tính giờ hoạt động NCKH tương ứng với giải cao nhất của công trình đó.

⁵Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ GD&ĐT, Giải thưởng của các bộ khác dành cho sinh viên NCKH hoặc các giải thưởng sinh viên NCKH do Bộ GD&ĐT cùng các Bộ hoặc các cơ quan, tổ chức khác phối hợp tổ chức.

e	Tham gia Hội đồng chấm thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên	10 giờ/ người	Quyết định của trường.
f	Hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài NCKH (có nộp công trình)	80 giờ/đề tài	
5	Hoạt động NCKH liên quan đến biên dịch tài liệu		
a	Đọc và tóm tắt tài liệu cho Thư viện - Sách dưới 50 trang - Sách từ 50 – 100 trang - Sách từ 101 trang trở lên	10 giờ/trang tóm tắt 15 giờ/trang tóm tắt 20 giờ/trang tóm tắt	
b	Đọc và tóm tắt tài liệu bằng tiếng nước ngoài cho Thư viện - Sách dưới 50 trang - Sách từ 50 – 100 trang - Sách từ 101 trang trở lên	15 giờ/trang tóm tắt 25 giờ/trang tóm tắt 30 giờ/trang tóm tắt	
c	Dịch sách theo quyết định của Hiệu trưởng	10 giờ /trang gốc	
	Dịch tài liệu hội thảo, tọa đàm, đề án, thỏa thuận hợp tác theo xác nhận của đơn vị chủ trì hoạt động này	15 giờ/ trang A4	Tài liệu không thuộc các hoạt động trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học.
d	Hiệu đính tài liệu dịch từ tiếng nước ngoài	3 giờ /trang gốc	Tài liệu không thuộc các hoạt động trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học.
	Hiệu đính tài liệu hội thảo, tọa đàm, đề án, thỏa thuận hợp tác theo xác nhận của đơn vị chủ trì hoạt động này	5 giờ/ trang A4	
e	Giới thiệu sách cho Thư viện (bao gồm phần tóm tắt)	10 giờ/ 1 đầu sách	
6	Chủ trì, điều hành hội thảo/tọa đàm		
a	Chủ trì, điều hành Hội thảo/Tọa đàm về phát triển phương pháp giảng dạy, hội thảo/ tọa đàm cấp trường.	40 giờ/Tọa đàm 50 giờ/Hội thảo	

b	Chủ trì, điều hành hội thảo/tọa đàm quốc tế	40 giờ/ tọa đàm/ buổi 50 giờ/ hội thảo/ buổi	
7	Hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi học thuật trong và ngoài nước		
a	Cuộc thi học thuật bằng tiếng Anh - Đạt giải - Không có giải	150 giờ/ cuộc thi 100 giờ/ cuộc thi	
b	Cuộc thi học thuật bằng tiếng Việt - Đạt giải - Không có giải	100 giờ/ cuộc thi 70 giờ/ cuộc thi	
8	Các hoạt động khác		
	Số giờ hoạt động NCKH tương ứng với các hoạt động sau đây được cá nhân/đơn vị có liên quan đề xuất, phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế sẽ trình Ban Giám hiệu xem xét từng trường hợp cụ thể (tối đa 300 giờ/người mỗi năm): - Tư vấn về Luật, kinh doanh, chính trị, xã hội... thuộc lĩnh vực chuyên môn của giảng viên cho các đơn vị ngoài Trường (căn cứ hợp đồng tư vấn, biên bản nghiệm thu đạt yêu cầu và biên bản thanh lý hợp đồng); - Phổ biến kiến thức khoa học phục vụ đời sống; - Tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật; - Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH của Trường; - Tham gia Ban chuyên môn các cuộc thi học thuật và các hoạt động khoa học khác của Trường; - Phiên dịch phục vụ Hội thảo khoa học quốc tế; - Tham gia vào các nhóm nghiên cứu trong khuôn khổ đề tài cấp Nhà nước (nhưng không phải là thành viên chính của đề tài); - Thẩm định bài đăng tạp chí khoa học chuyên ngành, tạp chí SV và KHPL; - Tham gia xây dựng hoặc góp ý các dự án luật; - Tham gia xây dựng và thẩm định các chương trình đào tạo; - Tham gia xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy định của Trường; - Tham gia xây dựng, sửa đổi gia hạn các dự án hợp tác về đào tạo của trường; - Xây dựng kế hoạch Hội thảo khoa học quốc tế và Hội thảo cấp Trường;		

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Phân chia số giờ NCKH

Nếu hoạt động NCKH do nhóm tác giả thực hiện, số giờ NCKH tương ứng với hoạt động đó (gọi vắn tắt là số giờ) được phân chia như sau:

1. Nhóm tác giả trên 03 người: số giờ chia đều cho các thành viên và chủ nhiệm đề tài được gấp 02 lần của thành viên.
2. Nhóm tác giả gồm 03 người, chủ nhiệm được 1/2 số giờ, 1/2 số giờ chia đều cho 02 thành viên khác.
3. Nhóm tác giả gồm 02 người, chủ nhiệm được 2/3 số giờ, thành viên còn lại được 1/3 số giờ.
4. Cách phân chia khác: tùy theo vai trò cụ thể của từng tác giả trong nhóm nghiên cứu, nhóm có thể chọn cách phân chia khác gửi cho phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế sau khi công trình nghiên cứu được nghiệm thu hoặc được công bố.

Điều 8. Thời điểm tính giờ NCKH và bảo lưu số giờ NCKH

1. Thời điểm tính giờ NCKH

Hoạt động NCKH được tính giờ NCKH trong năm hoàn thành (nghiệm thu/công bố kết quả nghiên cứu/thanh lý hợp đồng).

2. Bảo lưu số giờ NCKH vượt định mức

Số giờ nghiên cứu khoa học trong năm vượt quá định mức quy định được bảo lưu và chuyển sang các năm tiếp theo. Số giờ nghiên cứu khoa học chuyển trong từng năm tiếp theo không được vượt quá 60% định mức về giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên trong năm đó (giảng viên phải thực hiện tối thiểu 40% định mức NCKH của năm đang xét mới được chuyển).

Đối với giảng viên trong năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu, được quyền sử dụng 100% số giờ NCKH đã bảo lưu của các năm trước đó (nếu có).

Điều 9. Quy đổi số giờ hoạt động NCKH vượt định mức thành số giờ chuẩn giảng dạy

1. Số giờ NCKH vượt định mức được quy đổi thành số giờ chuẩn giảng dạy trong các trường hợp sau:

a) Các môn học có ít giờ giảng do ít sinh viên hoặc do thay đổi chương trình đào tạo nên giảng viên không có giờ giảng đủ định mức, số giờ NCKH vượt định mức trong năm của giảng viên được quy đổi thành giờ chuẩn giảng dạy;

b) Trường hợp khác theo Quyết định của Hiệu trưởng.

2. Tỷ lệ quy đổi: 01 giờ NCKH = 01 giờ chuẩn giảng dạy.
3. Số giờ chuẩn giảng dạy được quy đổi theo quy định này là một trong những căn cứ để đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của GV trong năm, không phải là căn cứ để tính tiền giảng vượt định mức.
4. Số giờ NCKH vượt định mức trong năm đã được quy đổi thành số giờ chuẩn giảng dạy không được bảo lưu sang các năm sau.

Điều 10. Quy đổi số giờ chuẩn giảng dạy vượt định mức thành số giờ hoạt động NCKH

Số giờ chuẩn giảng dạy vượt định mức được quy đổi thành số giờ hoạt động NCKH trong trường hợp:

1. GV đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về số giờ giảng chuẩn theo quy định;
2. Có đơn yêu cầu quy đổi của giảng viên; và
3. Đã thực hiện được ít nhất 60% định mức nghiên cứu khoa học theo quy định trong năm học.

Tỷ lệ quy đổi: 01 giờ chuẩn giảng dạy = 01 giờ NCKH.

Điều 11. Kế khai các hoạt động NCKH và thống kê giờ NCKH

1. Các hoạt động NCKH do Trường tổ chức hoặc chủ trì: phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế tổng hợp và tính giờ NCKH cho GV.
2. Các hoạt động NCKH do khoa hoặc các đơn vị ngoài Trường tổ chức: GV kê khai kèm theo minh chứng được quy định tại Điều 6 trên đây. Thời điểm kê khai: vào tháng 7 hàng năm hoặc theo thông báo của Trường.
3. Bảng thống kê tổng hợp các hoạt động NCKH của từng khoa được phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế gửi đến các khoa vào tháng 8 hàng năm để đối chiếu, kiểm tra trước khi làm căn cứ tính điểm thi đua, khen thưởng hoặc thanh toán tiền giảng.

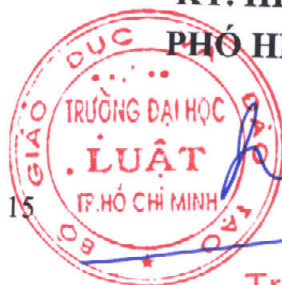
Điều 12. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các đơn vị, cá nhân thuộc Trường Đại học Luật TP. HCM có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển các hoạt động NCKH của Trường sẽ được xét thi đua, khen thưởng. Nếu vi phạm các điều khoản trong Quy định này, sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Quy định này được áp dụng cho các hoạt động NCKH từ ngày ký. Quy định này thay thế các quy định liên quan đến NCKH được ban hành theo Quyết định số 844/QĐ-ĐHL ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Hoàng Hải